TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 02 - 2020
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phùng

Bà Huỳnh Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Việt là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh A.

Cư trú tại: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Ung Hà B.

Cư trú tại: H K M P.

Chị A, anh B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2019, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Trần Thị Thanh A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và Anh Ung Hà B đăng ký kết hôn ngày 13.9.2016 tại P trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại P. Năm 2017 chị về Việt Nam do hết hạn hợp đồng lao động. Do mỗi người sống mỗi nơi nên anh B

không tin tưởng chị, hay ghép chị với người. Từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và ngày càng ít liên lạc. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ung Hà B trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất về thời gian kết hôn, nguyên nhân dẫn đến ly hôn như chị A trình bày. Tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung: Thống nhất như chị A trình bày, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt nguyên đơn Chị Trần Thị Thanh A và bị đơn Anh Ung Hà B theo đúng quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A được ly hôn anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh A và Anh Ung Hà B đăng ký kết hôn ngày 13.9.2016 tại P trên cơ sở tự nguyện. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Hết hạn hợp đồng lao động chị A về nước năm 2017. Từ đó, vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi. Vì không sống chung, không tin tưởng nhau nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và ngày càng ít liên lạc. Xét thấy, mâu thuẫn không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 19, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thanh A được ly hôn Anh Ung Hà B.

[3] Về con chung: Chị A, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị A, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

[5.1] Về án phí HNGĐ-ST: Chị Trần Thị Thanh A phải chịu 300.000đ theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

[5.2] Về chi phí tố tụng khác: Chị Trần Thị Thanh A tự nguyện chịu 1.500.000đ chi phí thông báo qua Hệ phát thanh Đối ngoại Quốc gia.

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh A được ly hôn Anh Ung Hà B.

2. Về con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

4.1. Về án phí HNGĐ-ST: Chị Trần Thị Thanh A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm chị A đã nộp theo biên lai thu số 0003612 ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

4.2. Về chi phí tố tụng khác: Chị Trần Thị Thanh A tự nguyện chịu 1.500.000đ chi phí thông báo qua Hệ phát thanh Đối ngoại Quốc gia (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo:

- Chị Trần Thị Thanh A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Ung Hà B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thu